TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 114/2020/KDTM - PT.
Ngày : 21/7/2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***
Các Thẩm phán : ***Ông Hoàng Minh Thành***
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
T*hư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên toà :* ***Bà Dương thị Huệ***
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội****: Ông Nguyễn Trần Thắng*** *- KSV*

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/TLPT - KDTM ngày 3 tháng 1 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2019/ KDTM – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện TT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2020/QĐPT – KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số: 310/2020/QĐPT – KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: *Công ty TNHH MTV QLTS (viết tắt QLTS)*
Trụ sở: Số 22, phố HV, quận HK , TP. Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch HĐTV
Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần SG (viết tắt SGB) – HN (Hợp đồng uỷ quyền số 2277/2015/UQ.QLTS 2- SGB ngày 15/11/2015).
Địa chỉ: Số 77 phố THĐ, quận HK , TP. Hà Nội
Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thu H và bà Phạm Thị T – Cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần SGB (Giấy uỷ quyền số 350/UQ-TGĐ ngày 12/12/2016).
Bị đơn : *Bà Nguyễn Thị T* , sinh năm 1967
Địa chỉ: Đội 9, cụm ĐK , xã DN , huyện TT , TP. Hà Nội
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. *Bà Nguyễn Minh Đ* , sinh năm 1972

2. *Ông Ứng Trọng H* , sinh năm 1971

NĐKHKTT: Số 162, đường HH, phường PT , quận HK , TP. Hà Nội (Chỗ ở hiện nay: 507 đường HH , PT , HK , TP. Hà Nội)

3. *Ông Thạch Văn N* , sinh năm 1959

4. *Bà Nguyễn Thị T* , sinh năm 1960

5. *Cụ Lê Thị L* , sinh năm 1934

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã DH , huyện GL , TP. Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T : *Ông Thạch Văn N* (Giấy uỷ quyền ngày 17/7/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N : *Ông ĐM* – Luật sư, thuộc văn phòng Luật sư Đ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Văn N : Ông Lê Văn K , sinh năm 1983.

Địa chỉ: P602, số nhà 27, ngõ 28, đường NH, phường LH, quận ĐĐ , thành phố Hà Nội.

6. *Văn phòng Công chứng LV , thành phố Hà Nội*.

Trụ sở: Số 49, phố VC, phường LG, quận BĐ , thành phố Hà Nội.

7. *Ủy ban nhân dân huyện GL , thành phố Hà Nội.*

Trụ sở: Số 10, NXQ, thị trấn TQ, huyện GL , Hà Nội.

Bà H, ông N , ông P, luật sư M có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn trình bày như sau :*

Ngày 04/12/2012, SGB – Chi nhánh Lạng Sơn và bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 370/2012/HĐTDNH–CN/SGB .LS, với nội dung SGB cho bà T vay vốn với mục đích bổ sung vốn kinh doanh mặt hàng nông sản, lãi suất vay 16%/năm điều chỉnh 03tháng/lần, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 21/12/2012 đến ngày 21/12/2013.

Cùng ngày, ông Ứng Trọng H , bà Nguyễn Minh Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 23 (3), tờ bản đồ số 19, diện tích 234m^2 tại thôn H , xã DH , huyện GL , TP. Hà Nội đã được UBND huyện GL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD859424, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0271 ngày 30/12/2005

cho ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T , đăng ký sang tên bà Nguyễn Minh Đ ngày 02/11/2012 để bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Thị T .

Ngày 21/12/2012 bà T ký khế ước nhận nợ số 370/2012/KU-CN/SGB .LS nhận nợ Ngân hàng 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng chẵn). Quá trình vay Ngân hàng đến nay, bà T không thực hiện trả nợ lãi và gốc cho Ngân hàng theo thoả thuận. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc bà T trả nợ nhưng bà T đều không có phương án trả nợ. Ngày 01/3/2014, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Ngày 18/11/2015, SGB đã bán khoản vay trên cho QLTS , QLTS khởi kiện yêu cầu bà T phải trả toàn bộ khoản vay tính đến ngày 31/10/2014 là 5.426.283.601 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 3.000.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 900.274.978đ; Nợ lãi quá hạn: 1.1173.000.000đ; phí phạt chậm trả lãi: 353.008.623đ.

Đối với phần lãi áp dụng kể từ ngày 01/11/2014 áp dụng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Nếu bị đơn không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đối với phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:* Bà T xác nhận việc ký Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và việc trả gốc lãi như nguyên đơn trình bày là đúng. QLTS khởi kiện yêu cầu bà T phải trả toàn bộ khoản vay tính đến ngày 31/10/2014 là 5.426.283.601 đồng, bà T đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vì bà T không có điều kiện trả nợ.

Bà Nguyễn Minh Đ trình bày như sau: Do bà Đ quen biết bà T , nên ngày 04/12/2012 bà Đ ký Hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay của bà T . QLTS khởi kiện bà T , bà Đ đề nghị được thoả thuận giải quyết vụ án với nguyên đơn. Nay bà Đ không cung cấp được chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Hiện tại trên thửa đất thế chấp có ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T đang sinh sống.

Bà Nguyễn Thị T trình bày như sau: Bà T không biết bà Đ . Do chồng bà T là ông N cần vay vốn nên giữa ông N và bà Đ có thoả thuận: ông bà ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 23 (3), tờ bản đồ số 19, diện tích 234m^2 tại thôn H , xã DH , huyện GL , TP. Hà Nội cho bà Đ và bà Đ chuyển cho ông bà số tiền 100.000.000đ. Sau khoảng 2 năm kể từ ngày thoả thuận thì bà Đ sẽ trả lại ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay QLTS khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên bà

T không đồng ý. Bà T ủy quyền cho ông N thay mặt bà T toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

Ông Thạch Văn N trình bày như sau: Do ông N quen biết bà Đ nên giữa ông N và bà Đ có thoả thuận: Bà Đ cho ông N vay số tiền 100.000.000đ, ông N và bà T và bà Đ có ký thoả thuận ông bà chuyển nhượng đất cho bà Đ trong thời hạn 2 năm, sau 2 năm ông N trả bà Đ tiền và bà Đ trả ông N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Các thoả thuận này đều chỉ viết tay, không có người làm chứng. Sau đó, ông N , bà T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 23 (3) nêu trên cho bà Đ tại Văn phòng công chứng LV , việc ký kết trên cơ sở tự nguyện. Khi thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản nêu trên thì ông bà không cung cấp cho Văn phòng công chứng bất cứ tài liệu thỏa thuận gì khác. Ông N không đồng ý với yêu cầu của QLTS về việc xử lý phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 23 (3).

Cụ Lê Thị L trình bày như sau : Cụ L là mẹ đẻ của ông N , hiện tại cụ L đang sinh sống trên thửa đất số 23 (3) nêu trên. Cụ L nhất trí lời trình bày của ông N .

Tại phiên toà sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bà T phải trả nợ toàn bộ khoản vay tính đến ngày 25/9/2019 là 6.898.141.896 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.000.000.000đ; lãi trong hạn 900.274.978đ; lãi phạt quá hạn 2.997.866.918đ); yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn theo hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phí phạt chậm trả lãi: 902.638.413đ.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm , ông Thạch Văn N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đồng ý phát mại tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn mà đề nghị: Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Điệp lập ngày 22/10/2012, hợp đồng số 19/12/2012/HĐ-CN, hồ sơ số 25,27/2012 tại Văn phòng Công chứng LV và hủy xác nhận của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện GL , Hà Nội tại trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2010 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD859424 cấp ngày 30/12/2005.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2019/ KDTM – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện TT đã quyết định như sau :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên QLTS (QLTS). Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả nợ QLTS theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 370/2012/HĐTDNH –CN/ SGB .LS ngày 04/12/2012 và khế ước nhận nợ

số 370/2012/KU–CN/SGB .LS ngày 21/12/2012 số tiền còn nợ tính đến ngày 25/9/2019, gồm:

Nợ gốc: 3.000.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 900.274.978đ

Nợ lãi qúa hạn: 2.997.866.918đ

Tổng cộng: 6.898.141.896đ (Sáu tỷ tám trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 26/9/2019 bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì QLTS có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 23 (3), tờ bản đồ số 19, diện tích 234m^2 tại thôn H , xã DH , huyện GL , TP. Hà Nội đã được UBND huyện GL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD859424, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0271 ngày 30/12/2005 cho ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T . Sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/11/2012 cho bà Nguyễn Minh Đ .

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 114.898.000 *(Một trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Ông Thạch Văn N kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không giải quyết yêu cầu độc lập của ông N .

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ông N , luật sư thống nhất trình bày :* Ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông N trong thời hạn Luật định.

Sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, những vi phạm của Toà án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn N huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân Huyện TT thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của ông Thạch Văn N trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho bà Nguyễn Thị T , và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng tại phiên toà hôm nay các đương sự nêu trên vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về thủ tục tố tụng :

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng : Tòa án cấp sơ thẩm đưa cụ Lê Thị L vào tham gia tố tụng nhưng không có Thông báo thụ lý là vi phạm thủ tục tố tụng. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 19/12/2017, 21/12/2017 Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt Quyết định tạm đình chỉ số 02/2017 ngày 5/9/2017, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/2017 ngày 26/10/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017 ngày 20/12/2017 cho Nguyên đơn, bà Đ , ông H , ông N , như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt cả 03 quyết định nêu trên vào cùng 1 thời điểm làm mất quyền

kháng cáo của các đương sự đối với Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 27/7/2017, 30/8/2017, ngày 15/3/2018 Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn yêu cầu độc lập của ông N , ngày 10/4/2018 Toà sơ thẩm ra Thông báo thụ lý đưa UBND huyện GL , Văn phòng công chứng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người liên quan với lý do ông N có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 12/7/2018 Tòa án Huyện TT ra Quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội với lý do Ông N có đơn yêu cầu độc lập. Sau khi Toà án nhân dân thành phố Hà Nội không chấp nhận Quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân Huyện TT , ngày 5/6/2019 Tòa án nhân dân Huyện TT thụ lý lại vụ án, thu thập thêm chứng cứ và mở phiên hoà giải và công khai chứng cứ vào ngày 22/8/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đơn yêu cầu độc lập của ông N vào ngày 15/3/2018 là sau phiên hòa giải và công khai chứng cứ ngày 30/8/2017 nên không giải quyết yêu cầu độc lập của ông N là không đúng.

Về nội dung : Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1912.2012/HĐ-CN ngày 22/10/2012 giữa ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Minh Đ , Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 859424 so UBND Huyện GL cấp ngày 30/12/2005 thể hiện tài sản chuyển nhượng là Quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp số công chứng 04136.12 ngày 4/12/2012 giữa bà Nguyễn Minh Đ , ông Ứng Trọng H và SGB , Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 4/12/2012 do Ngân hàng lập thể hiện Ngân hàng chỉ định giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (BL 109), Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc Ngân hàng nhận thế chấp tài sản có đúng quy định chưa , khi nhận thế chấp thì trên đất có tài sản trên đất không , tài sản trên đất có thế chấp hay không là thiếu sót. Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định thể hiện trên đất có các công trình tài sản trên đất , nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài sản trên đất là tài sản của ai làm thời điểm nào trước hay sau thời điểm chuyển nhượng, thế chấp ? ông N , bà T khai đã ly hôn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ khi ly hôn ông N , bà T có giải quyết về tài sản không , có liên quan đến nhà đất đang có tranh chấp hay không là thiếu sót không thể khắc phục được.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện : " *trong 234m2 có 58m2 đất trong chỉ giới bảo vệ đê điều – yêu cầu thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ đê điều* ", Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh diện tích 58m2 đất trong chỉ giới đê điều

có được xử lý phát mại không mà quyết định cho nguyên đơn có quyền xử lý tài sản toàn bộ diện tích 234m2 là chưa chính xác.

Ông Thạch Văn N có yêu cầu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch Văn N , bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Điệp lập ngày 22/10/2012, hợp đồng số 19/12/2012/HĐ-CN, hồ sơ số 25,27/2012 tại Văn phòng Công chứng LV và hủy xác nhận của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện GL , Hà Nội tại trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2010 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD859424 cấp ngày 30/12/2005. Thấy rằng theo quy định khoản 3 điều 105 Luật đất đai năm 2013, điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định đăng ký biến động, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chuyển quyền dựa trên cơ sở hợp đồng là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động , cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Do vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân Huyện TT , vì vậy không chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của ông N về việc căn cứ điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành Phố Hà Nội.

Từ những phân tích nêu trên, những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, do vậy căn cứ khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn N hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền.

Về án phí phúc thẩm : Ông Thạch Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 3 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 điều 105 Luật đất đai năm 2013, điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Căn cứ khoản 3 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn N .

Hủy toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2019/ KDTM – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện TT , giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Huyện TT thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí : Ông Thạch Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại ông N số tiền 300.000đ tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tiền số 6937 ngày 9/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện TT .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 21/7/2020.

Nơi nhận:
- TAND Huyên TT .
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh